

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 23/3/2023

V/v: Tranh chấp Kiện đòi nợ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và bà Hoàng Thị Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2021/TLST-DS ngày 23/11/2021 về việc “*Tranh chấp K đòi nợ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Bà Nguyễn Thị L có mặt, bà Hồ Thị H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Từ ngày 06/6/2021 đến ngày 04/7/2021, bà Hồ Thị H đã vay bà số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng cụ thể:

Ngày 06/6/2021: vay 200.000.000 đồng

Ngày 11/6/2021: vay 300.000.000 đồng

Ngày 04/7/2021: vay 300.000.000 đồng

Khi vay hai bên lập giấy vay nợ do bà **Hồ Thị H** trực tiếp viết nội dung và ký tên, thỏa thuận lãi suất theo lãi của ngân hàng, do trước đó bà **H** cũng đã vay bà nhiều lần và cứ khoảng 10 đến 15 ngày bà **H** sẽ trả nợ nên bà không yêu cầu ghi thời gian. Sau đó, mặc dù bà đã nhiều lần đến nhà đòi nợ nhưng bà **H** không trả cho bà. Đến ngày 02/10/2021, bà có đơn yêu cầu **Văn phòng T1** lập vi bằng ghi nhận: vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 02/10/2021, tại nhà bà **Hồ Thị H** ở **thôn A, xã D**, bà đã giao “thông báo yêu cầu trả nợ ngày 02/10/2021” cho bà **Hồ Thị H**, bà **H** đã nhận, đọc nội dung và hẹn đến ngày 09/10/2021, bà **H** phải thanh toán toàn bộ tiền nợ cho bà. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án buộc bà **Hồ Thị H** phải trả lại cho bà số tiền vay gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của ngân hàng. Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2022, bà **Nguyễn Thị L** không yêu cầu bà **Hồ Thị H** trả tiền lãi suất nữa mà chỉ yêu cầu bà **Hồ Thị H** trả cho bà số tiền vay gốc là 800 triệu đồng.

*Đối với bị đơn bà **Hồ Thị H**:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà **Hồ Thị H** vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228;

Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 166 và Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Hồ Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền 800.000.000 đồng; bà Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của luật sư, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị H phải trả cho bà số tiền nợ là 800.000.000 đồng. Bị đơn - bà Hồ Thị H cư trú ở thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp kiện đòi nợ” là đúng thẩm quyền được quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Hồ Thị H đều vắng mặt không có lý do. Theo biên bản xác minh tại công an xã D, huyện D thì bà Hồ Thị H, sinh năm 1974 có đăng ký hộ khẩu và hiện đang cư trú tại thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu là một tờ giấy có các dòng viết bằng tay, thể hiện nội dung: “6/6 DL ở Hường vay của em L 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng chẵn) Hường”; “11/6 DL ở Hường vay của em L 300.000.000đ Ba trăm triệu đồng chẵn (Hường)”; “4/7 DL ở Hường có vay em L số tiền 300000.000đ (Ba trăm triệu đồng) Hường”. Nội dung của các đoạn văn này không thể hiện rõ năm vay, lãi suất vay, cũng như thông tin cá nhân, nơi cư trú của người vay. Nguyên đơn khẳng định chữ viết, chữ ký là của bà Hồ Thị H, nơi cư trú tại thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn tiếp tục cung cấp cho Tòa án Vi bằng lập ngày 02/10/2021 tại Văn phòng T1. Nội dung vi bằng thể hiện: vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 02/10/2021,

tại nhà bà **Hồ Thị H** ở **thôn A, xã D**, bà **Nguyễn Thị L** đã giao “thông báo yêu cầu trả nợ ngày 02/10/2021” cho bà **Hồ Thị H**, bà **H** đã nhận, đọc nội dung và hẹn đến ngày 09/10/2021, bà **H** phải thanh toán toàn bộ tiền nợ cho bà **Nguyễn Thị L**.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành xác minh, bà **Hồ Thị H** – là bị đơn trong vụ án có nơi đăng kí hộ khẩu và nơi cư trú thường xuyên tại **thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**.

Ngoài ra, trên cơ sở Đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà **Nguyễn Thị L** đối với chữ ký và chữ viết của bà **Hồ Thị H** tại các bản viết tay do bà cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành trưng cầu giám định tại Quyết định trưng cầu giám định số 04/QĐ-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Mẫu so sánh gồm có:

- 01 tờ khai chứng minh nhân dân số 186468194 họ tên **Hồ Thị H** đề ngày 16/8/2004;
- 01 Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đề ngày 10/8/2021;
- 01 đơn xin xác nhận đề ngày 11/11/2019;
- 01 đơn đề nghị đề ngày 11/11/2019;
- 01 Biên bản làm việc;
- 01 đơn đăng ký biên động đất đai, tài sản gắn liền với đất đề ngày 11/11/2019.

Tại kết luận giám định số 27/KL-KTHS (D3-TL) ngày 11/10/2022 của **phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận:

“Chữ “Hường”, chữ viết từ dòng 01 đến dòng 11 (từ dưới lên) ở mặt trước (trừ các chữ “lãi 6/7”, “6/8”, “6/9”, “lãi 11/7”, “11/8”, “11/9” tại dòng 02, 03, 04, 08, 09, 10 (từ dưới lên), chữ viết từ dòng 02 đến dòng 07 (từ trên xuống) ở mặt sau (trừ các chữ “4/7”, “4/8”, “4/9” tại dòng 02, 03, 05 (từ trên xuống) trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của **Hồ Thị H** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký, viết ra”.

Từ các tài liệu trên có thể khẳng định, việc bà **Hồ Thị H** – cư trú tại **thôn A, xã D, huyện D** có vay nợ bà **Nguyễn Thị L** 03 lần tiền vào các ngày 06/6/2021 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 11/6/2021 vay số tiền 300.000.000 đồng; ngày 04/7/2021 vay số tiền 200.000.000 đồng; tổng là 800.000.000 đồng là có thật. Bà **Hồ Thị H** không có phản hồi gì về việc trả nợ gốc, trả nợ lãi gì cho bà **Nguyễn Thị L**. Bà **Nguyễn Thị L** đã thông báo về việc thu hồi nợ, nhưng bà **H** không có ý kiến gì. Do vậy, cần buộc bà **Hồ Thị H** phải trả nợ cho bà **Nguyễn Thị L** số tiền gốc 800.000.000 đồng là phù hợp với các quy định tại các Điều 117, Điều 166, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về tiền lãi: bà Nguyễn Thị L đã rút yêu cầu về tiền lãi và không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chi phí giám định: Hồ Thị H phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 4 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 3.840.000 đồng. Do vậy, cần buộc bà Hồ Thị H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.840.000 đồng.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, Điều 166 và Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Hồ Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Hồ Thị H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền chi phí giám định là 3.840.000 (Ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Hồ Thị H phải chịu 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001456 ngày 22/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hồ Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Đức Thúy**